ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học: | NGHIÊN CỨU KHOA HỌC **THỰC HÀNH DỰA TRÊN CHỨNG CỨ** |
| * Mã môn học: | 61002051 |
| * Thuộc khối kiến thức/ kỹ năng:   ☐ Kiến thức cơ bản  ☐ Kiến thức chuyên ngành  ☐ Môn học chuyên về kỹ năng | ☒ Kiến thức cơ sở ngành  ☐ Kiến thức khác  ☐ Môn học đồ án/ luận văn tốt nghiệp |
| * Số tín chỉ: | 2 tín chỉ (1 lý thuyết + 1 thực hành) |
| + Số lý thuyết/ số buổi: | 15 tiết lý thuyết (4 buổi) |
| + Số tiết thực hành/ số buổi: | 30 tiết (8 buổi) |
| * Môn học tiên quyết: | Đã hoàn thành các môn: Xác suất thống kê y học, Dịch tễ |
| * Môn học song hành: |  |

* + - 1. **Mô tả môn học**

Môn học này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, giúp sinh viên có kiến thức về nghiên cứu khoa học và hiểu rõ mối quan hệ với thực hành dựa trên chứng cứ. Sinh viên giải thích được tầm quan trọng, lý do thực hiện nghiên cứu và tính ứng dụng của nghiên cứu khoa học trong thực hành điều dưỡng. Sinh viên có khả năng xác định được các vấn đề cần nghiên cứu, tra cứu tài liệu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp với mục tiêu đồng thời phân tích ưu điểm và khuyết điểm của một nghiên cứu. Sinh viên có cơ hội ứng dụng quy trình nghiên cứu để xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học.

* + - 1. **Nguồn học liệu**

[1] Grove, S. & Gray, J. (2018). Understanding nursing research: Building an Evidence-Based Practice (7th edition). Elsevier Publisher

[2] Grove, S. & Cipher, D. (2019). Statistics for Nursing Research: A Workbook for Evidence-Based Practice. Elsevier Publisher

[3] LoBiondo-Wood, G. & Haber, J. (2017). Nursing Research: Methods and Critical Appraisal for Evidence-Based Practice (9th edition). Elsevier Publisher

[4] LoBiondo-Wood, G., Haber, J., Berry, C. & Yost, J. (2017) Study guide for Nursing Research: Methods and Critical Appraisal for Evidence-Based Practice (9th edition). Elsevier Publisher

[5] Houser, J. (2013). Nursing research: Reading, using and creating evidence. (3rded.). Jones & Bartlett Publishers. http://go.jblearning.com/houser

[6] Parahoo, K. (2014). Nursing research: principles, process and issues (2nded.). Basingstoke: Palgrave Macmillan.

[7] Polit, D. F & Beck, C. T (2014). Essentials of nursing research: appraising evidence for nursing practice (8th ed.). Philadelphia: Lippincott Williams & Wilkins.

[8] Polit, D. F. and Beck, C. T. (2014). Study guide for Essentials of nursing research: Appraising evidence for nursing practice (2nded.). Philadelphia, Pennsylvania: Lippincott Williams & Wilkins.

**Phần mềm**

* IBM (2011/ phiên bản 20).
* Statistical Package for the Social Sciences (SPSS).
  + - 1. **Mục tiêu môn học**

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| MT1 | Nhận định tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học và thực hành dựa trên chứng cứ. | C1 |
| MT2 | Xác định lĩnh vực và chọn lựa vấn đề nghiên cứu có tính ứng dụng trong thực hành y khoa. | C1 |
| MT3 | Áp dụng phương pháp, thiết kế phù hợp để tiến hành nghiên cứu những vấn đề đã chọn. | C1 |
| MT 4 | Xác định được các vấn đề về y đức, giá trị của nghiên cứu và áp dụng được kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. | C1 |
| MT 5 | Lựa chọn, phân tích bằng chứng khoa học có giá trị từ kết quả nghiên cứu và xem xét tính phù hợp khi ứng dụng vào thực hành trong lĩnh vực sức khỏe nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh. | C1 |
| MT 6 | Sử dụng kiến thức về quy trình, phương pháp nghiên cứu và thống kê lập kế hoạch các hoạt động trong quy trình nghiên cứu. | C1 |
| MT 7 | Thể hiện các kỹ năng viết, trình bày và ứng dụng công nghệ để truyền đạt nội dung đề cương nghiên cứu. | C1, C7 |
| MT 8 | Nhận thức được vai trò của nghiên cứu khoa học trong việc phát triển ngành nghề. | C1, C10 |

* + - 1. **Đánh giá môn học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **MT môn học** | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Đánh giá thường xuyên | Điểm nội quy, chuyên cần, tác phong. | M1 - M8 | 5% |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | Bài tập đánh giá bài báo  Bài kiểm tra 15 phút | M1 – M8 | 10%  15% |
| A3.Đánh giá cuối kỳ | Bài kiểm tra tổng kết  Trình đề cương sơ bộ | M1 – M8 | 40%  30% |

**TEST BLUEPRINT**

| **Bài giảng** | **TỈ LỆ %**  **SỐ CÂU** | | | **NHỚ LẠI** | | | **HIỂU** | | | **ÁP DỤNG** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giới thiệu nghiên cứu khoa học và thực hành dựa trên chứng cứ | **15%** | 9 | 40% | | 4 | 60% | | 5 | 0% | | 0 |
| Vấn đề và mục tiêu nghiên cứu | **20%** | 12 | 20% | | 2 | 50% | | 6 | 30% | | 4 |
| Phương pháp nghiên cứu | **50%** | 8 | 30% | | 2 | 50% | | 4 | 20% | | 2 |
| Cỡ mẫu, kỹ thuật chọn mẫu trong nghiên cứu – Kiểm soát sai lệch chọn lựa | 7 | 1 | 4 | 2 |
| Kỹ thuật thu thập dữ kiện – Thiết kế bộ câu hỏi | 7 | 1 | 4 | 2 |
| Ứng dụng thống kê trong nghiên cứu khoa học | 8 | 2 | 4 | 2 |
| Tính đạo đức và vấn đề an toàn trong nghiên cứu khoa học | **15%** | 9 | 30% | | 2 | 50% | | 5 | 20% | | 2 |
| **Tổng cộng** | **100%** | **60** | **20%** | | **14** | **32%** | | **32** | **48%** | | **14** |

* Sinh viên đủ điều kiện dự thi cuối kỳ khi không vắng quá 20% tổng số tiết của môn học và hoàn thành các bài đánh giá giữa kỳ
* Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm môn học được tính bằng tổng các điểm đánh giá quá trình (A1 + A2= 30%) và đánh giá cuối kỳ/ thi kết thúc môn học (A3= 70%).
* Điểm thi kết thúc môn học là bắt buộc cho mọi đối tượng = A1+A2+A3
* Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sinh viên được đánh giá:

+ Đạt khi điểm tổng kết môn học > 4,0

+ Không đạt nếu < 4,0

* + - 1. **Nội dung giảng dạy**

***Lý thuyết***

| **Nội dung** | **Số tiết** | | | **Mục tiêu** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp** | **Trực tuyến** | **Tự học** |
| 1. Giới thiệu nghiên cứu khoa học và thực hành dựa trên chứng cứ | 1 |  | 2 | MT 1, 2, 8 | Bài kiểm tra tổng kết |
| 1.1 Định nghĩa nghiên cứu khoa học |  |  |  |  |  |
| 1.2 Ý nghĩa của nghiên cứu khoa học |  |  |  |  |  |
| 1.3 Phạm vi nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 1.4 Hướng nghiên cứu điều dưỡng |  |  |  |  |  |
| 1.5 Thực hành dựa trên chứng cứ: Khái niệm, tầm quan trọng và quy trình |  |  |  |  |  |
| 2. Phương pháp nghiên cứu | 1 | 1 | 4 | MT 3, 4, 5, 6 | Bài kiểm tra tổng kết |
| 2.1 Phân biệt nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng |  |  |  |  |  |
| 2.2 Khái niệm chính |  |  |  |  |  |
| 2.3 Quy trình nghiên cứu định tính vs. định lượng |  |  |  |  |  |
| 2.4 Quy trình nghiên cứu định lượng |  |  |  |  |  |
| 3. Vấn đề và mục tiêu nghiên cứu | 1 |  | 2 | MT 3, 4, 5, 6 | Bài kiểm tra tổng kết |
| 3.1 Yếu tố cơ bản của nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 3.2 Chủ đề và vấn đề nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 3.3 Lựa chọn vấn đề nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 3.5 Mục tiêu nghiên cứu: Phân loại, lợi ích và yêu cầu |  |  |  |  |  |
| 3.6 Tên đề tài |  |  |  |  |  |
| 4. Tổng quan tài liệu | 2 |  | 4 | MT 3, 4, 5, 6 | Bài kiểm tra tổng kết |
| 4.1 Phân biệt tổng quan mô tả và tổng quan hệ thống |  |  |  |  |  |
| 4.2 Vai trò của tổng quan tài liệu trong nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 4.3 Các bước viết tổng quan tài liệu |  |  |  |  |  |
| 4.4 Nguyên tắc cơ bản trích dẫn nội dung và nguồn tài liệu tham khảo |  |  |  |  |  |
| 4.5 Khung nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 4.5 Phân tích bài báo nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 5.Các loại thiết kế trong nghiên cứu định lượng | 2 |  | 4 | MT 3, 4, 5, 6 | Bài kiểm tra tổng kết |
| 5.1 Khái niệm chính |  |  |  |  |  |
| 5.2 Phân biệt nghiên cứu thực nghiệm và không thực nghiệm |  |  |  |  |  |
| 5.3 Nghiên cứu thực nghiệm |  |  |  |  |  |
| 5.4 Nghiên cứu không thực nghiệm |  |  |  |  |  |
| 5.5 Phân cấp thiết kế nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 6. Cỡ mẫu, kỹ thuật chọn mẫu trong nghiên cứu – Kiểm soát sai lệch chọn lựa | 1 |  | 2 | MT 3, 4, 5, 6 | Bài kiểm tra tổng kết |
| 6.1 Lý do tính cỡ mẫu |  |  |  |  |  |
| 6.2 Sai lầm loại 1 |  |  |  |  |  |
| 6.3 Sai lầm loại 2 |  |  |  |  |  |
| 6.4 Cách tính cỡ mẫu cơ bản |  |  |  |  |  |
| 6.5 Chọn mẫu – Các khái niệm chính |  |  |  |  |  |
| 6.6 Chọn mẫu xác suất |  |  |  |  |  |
| 6.7 Chọn mẫu không xác suất |  |  |  |  |  |
| 7. Kỹ thuật thu thập dữ kiện – Thiết kế bộ câu hỏi | 2 |  | 4 | MT 3, 4, 5, 6 | Bài kiểm tra tổng kết |
| 7.1 Khái niệm chính |  |  |  |  |  |
| 7.2 Các kỹ thuật thu thập dữ kiện |  |  |  |  |  |
| 7.3 Thiết kế bộ câu hỏi |  |  |  |  |  |
| 7.4 Kiểm soát sai lệch thông tin |  |  |  |  |  |
| 8. Ứng dụng thống kê trong nghiên cứu khoa học | 2 |  | 4 | MT 3, 4, 5, 6 | Bài kiểm tra tổng kết |
| 8.1 Biến số |  |  |  |  |  |
| 8.2 Thống kê mô tả |  |  |  |  |  |
| 8.3 Thống kê phân tích |  |  |  |  |  |
| 8.4 Phần mềm thống kê y học trong phân tích số liệu |  |  |  |  |  |
| 8.5 Cách trình bảng, sơ đồ |  |  |  |  |  |
| 9. Tính đạo đức và vấn đề an toàn trong nghiên cứu khoa học |  | 1 | 2 | MT 4, 8 | Bài kiểm tra tổng kết |
| 9.1 Phân biệt nghiên cứu có đạo đức và không đạo đức |  |  |  |  |  |
| 9.2 Nguyên tắc cơ bản về đạo đức trong nghiên cứu khoa học |  |  |  |  |  |
| 9.3 Mẫu thông tin dành cho đối tượng nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 9.4 Thành phần và vai trò của Hội đồng đạo đức |  |  |  |  |  |
| 10. Cách trình bày đề cương và bài báo nghiên cứu khoa học |  | 1 | 2 | MT 7,8 | Bài tập đánh giá bài báo |
| 10.1 Thành phần và nội dung của đề cương nghiên cứu khoa học |  |  |  |  |  |
| 10.2 Thành phần và nội dung của bài báo khoa học |  |  |  |  |  |
| 10.3 Các lỗi thường gặp |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | **12** | **3** | **30** |  |  |

**Thực hành**

| **Nội dung** | **Số tiết** | | | **Mục tiêu** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp** | **Trực tuyến** | **Tự học** |
| 1. Quy trình thực hành dựa trên chứng cứ | 2 |  | 4 | MT 1,8 | Bài tập tìm chứng cứ |
| 1.1 Ứng dụng mô hình IOWA |  |  |  |  |  |
| 1.2 Truy cập chứng cứ |  |  |  |  |  |
| 1.3 Xác định độ mạnh chứng cứ |  |  |  |  |  |
| 2. Vấn đề và mục tiêu nghiên cứu | 4 |  | 8 | MT 3, 4, 5, 6 | Trình bày đề cương |
| 2.1 Phân tích cây vấn đề |  |  |  |  |  |
| 2.2 Chọn vấn đề ưu tiên nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 2.3 Viết đặt vấn đề |  |  |  |  |  |
| 2.4 Viết mục tiêu nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 3. Tra cứu tài liệu, phân tích bái báo NCKH và cách trích dẫn tài liệu | 5 |  | 10 | MT 3, 4, 5, 6 | Đánh giá bài báo |
| 3.1 Xác định từ khóa |  |  |  |  |  |
| 3.2 Xác định nguồn thông tin |  |  |  |  |  |
| 3.3 Tìm tài liệu |  |  |  |  |  |
| 3.4 Chọn lọc, đánh giá tài liệu |  |  |  |  |  |
| 3.5 Tổng hợp tài liệu |  |  |  |  |  |
| 4. Khung nghiên cứu | 4 |  | 8 | MT 3, 4, 5, 6 | Trình bày đề cương |
| 4.1 Lập dàn ý các biến số |  |  |  |  |  |
| 4.2 Sơ đồ khung nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 5. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu | 5 |  | 10 | MT 3, 4, 5, 6 | Trình bày đề cương |
| 5.1 Dân số mục tiêu, dân số chọn mẫu |  |  |  |  |  |
| 5.2 Tiêu chuẩn chọn, tiêu chuẩn loại trừ |  |  |  |  |  |
| 5.3 Cỡ mẫu |  |  |  |  |  |
| 5.4 Phương pháp thu thập số liệu |  |  |  |  |  |
| 5.5 Công cụ thu thập số liệu |  |  |  |  |  |
| 5.6 Định nghĩa biến số |  |  |  |  |  |
| 5.7 Quản lý và xử lý số liệu |  |  |  |  |  |
| 6. Vấn đề y đức và tính ứng dụng | 2 |  | 4 | MT 4,8 | Bài tập, Trình bày đề cương |
| 6.1 Thiết kế Bảng thông tin |  |  |  |  |  |
| 6.2 Xác định các vấn đề y đức liên quan đến đề tài nghiên cứu |  |  |  |  |
| 7. Cách trình bày đề cương nghiên cứu khoa học |  |  |  | MT 7,8 | Trình bày đề cương |
| 7.1 Trình bày viết các thành phần và nội dung của đề cương nghiên cứu | 4 |  | 8 |  |  |
| 7.2 Báo cáo PPT đề cương nghiên cứu | 4 |  | 8 |  | Thuyết trình trên lớp |
| **Tổng** | **30** | **0** | **60** |  |  |

**Phương pháp giảng dạy**.

* Sinh viên được chia thành nhiều nhóm nhỏ hoàn thành các yêu cầu bài tập hàng tuần theo nội dung giảng dạy.
* Nội dung, thời gian và hình thức tổ chức các buổi học cũng như cấu trúc và yêu cầu bài tập được mô tả chi tiết trong tài liệu hướng dẫn học tập đăng tải trên E-learning môn Nghiên cứu khoa học – Thực hành dựa trên chứng cứ. Tài liệu tham khảo cũng được cung cấp dưới hình thức file pdf hoặc đầu sách ở thư viện trên E-learning. Sinh viên được yêu cầu đọc trước hướng dẫn học tập và tài liệu tham khảo để chuẩn bị cho buổi học, bài tập trước khi đến lớp và hoàn thành bài tập sau bài giảng theo nhóm tại nhà.
* Sinh viên được yêu cầu thực hiện nhiều hoạt động học tập như tranh luận nhóm lớn, thảo luận nhóm nhỏ, thuyết trình các nội dung của buổi học. Giảng viên sẽ thống nhất và tóm tắt lại các nội dung chính nhằm giải quyết các vấn đề đưa ra và đưa ra tổng kết những điểm cần lưu ý. Giáo viên giải đáp các thắc mắc và tranh luận của sinh viên trên lớp.
* Lớp học áp dụng phương pháp đảo chiều lấy sinh viên làm trung tâm, sinh viên chủ động tự học ngoài lớp và tích cực tư duy, thảo luận trên lớp.
* Áp dụng hình thức học online (30%) cho quá trình hướng dẫn thực hiện bài tập lớn về chuẩn bị và trình một đề cương nghiên cứu khoa học. Sinh viên chủ động sắp xếp lịch và thảo luận với giảng viên qua TEAM chuẩn bị cho đề tài và đề cương nghiên cứu khoa học
* Áp dụng phương pháp dạy học cho người lớn theo 7 nguyên tắc (Adult learning principles): là tự định hướng, đặt mục tiêu, kinh nghiệm, thực hiện, các yếu tố liên quan, tôn trọng và vui vẻ.

**Công cụ giảng dạy:** Máy chiếu, laptop, phần mềm Polleverywhere, Khoot, Turning point, phần mềm Microsoft TEAM.

* + - 1. **Quy định của môn học**
* Học viên đi học đầy đủ và đúng giờ, vắng mặt quá 20% tổng số tiết học lý thuyết sẽ không được tham dự kiểm tra tổng kết cuối kỳ.
* Học viên phải hoàn thành đủ 100% tổng số bài tập thực hành được giao và nộp đúng thời hạn. Không hoàn thành phần nào thì phần đó bị đánh giá là không điểm (0 đ)
* Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc môn học, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi lần một và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được trưởng khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có).
* Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được trưởng khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc môn học được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ, những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc môn học ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.
  + - 1. **Phụ trách môn học:**
* Khoa Điều Dưỡng - Kỹ Thuật Y Học Tp.HCM/ Bộ môn Điều dưỡng, Hộ sinh
* Địa chỉ liên hệ: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.Hồ Chí Minh
* Điện thoại liên hệ: (028) 38 570 760.